

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST

Ngày: 15-01-2025

V/v: "Tranh chấp tuyên bố hợp
đồng lao động vô hiệu".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thanh Lan – Phó chủ tịch liên đoàn lao động thành phố Bến
Cát;

2. Ông Lương Thanh Nhân – Nguyên Trưởng Phòng Y tế thành phố Bến
Cát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình
Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến
Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số
88/2024/TLST-LĐ ngày 13 tháng 11 năm 2024 việc: "Tranh chấp tuyên bố hợp
đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
290/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30/12/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1985; địa chỉ: 1 khu
phố B, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị giải quyết
vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1992; địa chỉ: H, ấp R, xã
L, huyện C, tỉnh Long An. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam); địa chỉ: Đường N, lô A-
1F-CN, khu công nghiệp M, phường C, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Võ Thị Kim P – Chức vụ: Tổng giám đốc,
là người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N – Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội thành phố B, là người đại diện theo uỷ quyền (theo giấy uỷ quyền số 1/GUQ/BHXXH ngày 02/01/2025). Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Bà M và bà Nguyễn Thị Ngọc H là chị em ruột.

Vào tháng 11/2009, do bà Nguyễn Thị Ngọc H chưa đủ tuổi để đi xin việc làm (17 tuổi) nên bà M có cho bà H mượn hồ sơ mang tên của bà để bà H đi xin việc làm gồm: Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú tạm vắng, giấy xác nhận hạnh kiểm, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc M (số CMND 301211482), hình thẻ kích thước 3x4 để bà H đi xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam), trụ sở tại: Đường N, lô A-1F-CN, Khu công nghiệp M, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố B), tỉnh Bình Dương.

Sau đó, bà H được Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) (sau đây được viết tắt là Công ty V) tuyển dụng vào làm việc với chức danh là công nhân, làm việc tại bộ phận móc câu. Bà M được biết giữa bà H và Công ty V có ký kết hợp đồng lao động và thời gian làm việc từ 01/11/2009 đến 26/3/2011. Công ty V có đóng bảo hiểm xã hội thời gian làm việc từ 01/11/2009 đến 26/3/2011 cho bà H với tên Nguyễn Thị Ngọc M theo quy định. Mã số bảo hiểm xã hội của bà H trong thời gian làm việc tại Công ty V là 7409306883 cấp ngày 30/11/2009 do Bảo hiểm xã hội tỉnh B cấp cho người mang tên Nguyễn Thị Ngọc M.

Ngày 26/03/2011, bà H xin nghỉ việc tại Công ty V và Công ty này đã chốt sổ bảo hiểm xã hội, đồng thời trả sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Ngọc M cho bà H.

Trong thời gian bà H sử dụng hồ sơ mang tên bà M để làm việc tại Công ty V thì bà M cũng là công nhân may đang làm việc tại Công ty TNHH P1, trụ sở tại: đường D, Quốc lộ A, phường T, quận B, thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 7/2010 liên tục đến tháng 06/2023, giữa bà M và Công ty TNHH P1 ký kết hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội theo quy định cho bà M. Mã số bảo hiểm xã hội của bà M là 7910284348, cấp ngày 31/10/2017, do Bảo hiểm xã hội thành phố H cấp. Bà M làm việc liên tục tại Công ty TNHH P1 là 12 năm 10 tháng.

Ngày 21/8/2024, bà M có liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh Long An để rút tiền bảo hiểm xã hội 01 lần nhưng cơ quan bảo hiểm xã hội đã thông báo là bảo hiểm xã hội của bà M và bà H có cùng một số chứng minh

nhân dân nhưng hai sổ bảo hiểm xã hội khác nhau. Vì vậy, bà M không thể làm thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội.

Như vậy, bà M đã cho bà H mượn hồ sơ xin việc, trong đó có chứng minh nhân dân của bà M để bà H xin việc làm tại Công ty V và được Công ty V đóng bảo hiểm xã hội cho H dẫn đến việc giữa bà M và bà H có trùng sổ bảo hiểm xã hội và điều này dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M bị xâm phạm.

Do đó bà M khởi kiện cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết ngày 01/11/2009 và Hợp đồng lao động số 10-11-06 ký kết ngày 01/11/2010 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (thực tế lấy tên bà Nguyễn Thị Ngọc M) với Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) vô hiệu toàn bộ do trái pháp luật.

Ngày 16/12/2024, bà M xin rút lại rút lại yêu cầu khởi kiện về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H vắng mặt nhưng trong quá trình tham gia tố tụng, bà H có lời khai và văn bản trình bày cụ thể như sau:

Bà H là em ruột của bà Nguyễn Thị Ngọc M. Bà H thống nhất với toàn bộ ý kiến trình bày của bà M. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà H có ý kiến như sau:

1. Bà H đồng ý huỷ hợp đồng lao động được ký kết giữa bà (thực tế lấy tên Nguyễn Thị Ngọc M) và Công ty TNHH V là vô hiệu do bà H lừa dối khi tham gia giao kết.

2. Bà H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Trong trường hợp Tòa án phải xem xét và huỷ quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M trong quá trình bà làm việc tại Công ty TNHH V thì bà H không có ý kiến và đồng ý vì lỗi làm cho hợp đồng lao động vô hiệu là hoàn toàn do bà, không liên quan đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn V và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Bà H đồng ý trả lại cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương số tiền bảo hiểm thất nghiệp đã nhận 03 tháng, mỗi tháng 920.000 đồng và 34.327 đồng tiền trợ cấp ốm đau theo sổ sổ bảo hiểm xã hội 7409306883, tổng là 2.794.327 đồng.

Bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Bà Võ Thị Kim P là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình tham gia tố tụng trình bày:

Trước đây Công ty V có tuyển dụng và nhận hồ sơ xin việc của bà Nguyễn Thị Ngọc M nộp tại Công ty V. Sau khi hồ sơ xin việc đầy đủ và người lao động đạt các tiêu chuẩn theo điều kiện tuyển dụng thì Công ty tuyển bà Nguyễn Thị Ngọc M vào làm việc và có ký kết 02 Hợp đồng lao động với người lao động tên Nguyễn Thị Ngọc M - Ngày tháng năm sinh: 24/4/1985- Chứng minh nhân dân số: 301211482; địa chỉ: C, Long An. Cụ thể:

- Hợp đồng lao động thứ nhất: Được ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị Ngọc M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) với thời hạn hợp đồng là 01 năm bắt đầu từ ngày 01/11/2009 đến 31/10/2010. Công việc là công nhân theo sự điều động của Công ty.

- Hợp đồng lao động thứ 2: Được ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị Ngọc M và Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) với thời hạn hợp đồng là 01 năm bắt đầu từ ngày 01/11/2010 đến 31/10/2011. Công việc là công nhân theo sự điều động của Công ty.

Trong quá trình bà M làm việc tại Công ty, Công ty có trích từ tiền lương hằng tháng của bà M để đóng bảo hiểm xã hội và trích đóng bảo hiểm xã hội cho bà M theo quy định từ tháng 11/2009 theo Sổ bảo hiểm xã hội 7409306883 cấp ngày 30/11/2009 do Bảo hiểm xã hội tỉnh B cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Đến 26/3/2011, bà M làm thủ tục thôi việc và kết thúc hợp đồng với công ty nên công ty chúng tôi đã cho thôi việc theo nguyện vọng và đã liên hệ với cơ quan bảo hiểm xã hội chốt quá trình đóng bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 11/2009 đến tháng 03/2011. Hiện nay sổ này đã được bảo lưu theo danh sách bảo lưu đóng bảo hiểm xã hội lập ngày 01/4/2011. Các chế độ lương, thưởng và chế độ khác của người lao động đã được giải quyết theo đúng quy định.

Việc bà H lấy tên hồ sơ Nguyễn Thị Ngọc M để xin việc tại Công ty thì Công ty không biết. Công ty Q thông qua giấy tờ tùy thân, hồ sơ lý lịch có liên quan và đóng bảo hiểm xã hội theo đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, Công ty đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật, căn cứ vào ý kiến của Cơ quan bảo hiểm xã hội thành phố B và các cơ quan nhà nước có liên quan (nếu có) để giải quyết vụ án nhằm đảm bảo quyền lợi của Công ty Varivas

Ông Nguyễn Văn N, là người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố B vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng có văn bản trình bày cụ thể như sau:

1. Sổ sổ bảo hiểm của bà Nguyễn Thị Ngọc M theo hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (tên ký hợp đồng là bà Nguyễn Thị Ngọc M) là 7409306883.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) có tham gia đóng BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 24/04/1985, CMND số: 301211482 từ tháng 11/2009 đến tháng 03/2011.

3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) được Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương phân cấp cho Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương quản lý từ tháng 5/2018.

4. Bà Nguyễn Thị Ngọc H (thực tế lấy tên bà Nguyễn Thị Ngọc M) đã liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B để giải quyết chế độ BHXH gồm:

+ Chế độ ốm đau: 08/02/2010 (1 ngày) với số tiền 34.327 đồng.

+ Bảo hiểm thất nghiệp: hưởng 3 tháng từ 04/2011 đến 07/2011 với số tiền 920.000 đồng/tháng.

Nay yêu cầu bà M hoàn lại số tiền đã hưởng các chế độ cho cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và không ai cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, 85 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến 98 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 92, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 51, 52 Bộ Luật lao động năm 2019, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên Hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (lấy tên bà Nguyễn Thị Ngọc M khi giao kết) và Công ty TNHH V (Việt Nam) là vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”. Căn cứ khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 của Bộ luật lao động năm 2019 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 16/12/2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M xin rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M theo đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2024. Xét việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, là quyền tự quyết định, định đoạt của nguyên đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết ngày 01/11/2009 và Hợp đồng lao động số 10-11-06 ký kết ngày 01/11/2010 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Ngọc H (thực tế lấy tên bà Nguyễn Thị Ngọc M) với Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) là vô hiệu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời khai của nguyên đơn bà M và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Từ tháng 7/2010 liên tục đến tháng 06/2023 bà M làm việc tại Công ty TNHH P1, địa chỉ: đường D, Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian làm việc tại công ty này, bà M có tham gia đóng bảo hiểm xã hội liên tục, đầy đủ, số sổ bảo hiểm xã hội của bà M là 7910284348.

Tháng 11/2009, bà M cho bà H mượn hồ sơ xin việc làm gồm Đơn xin việc, sổ hộ khẩu, giấy tạm trú tạm vắng, giấy xác nhận hạnh kiểm, sơ yếu lý lịch, chứng minh nhân dân, hình thẻ 3x4 mang tên tôi Nguyễn Thị Ngọc M và chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Ngọc M (số CMND 301211482) (gọi chung là hồ sơ xin việc) của bà M để bà H đi xin việc làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) và được Công ty này tuyển dụng bà H (lấy tên hồ sơ Nguyễn Thị Ngọc M) vào làm công nhân. Ngay sau đó giữa bà H (hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Ngọc M) và Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) ký Hợp đồng lao động và được Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) này đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/11/2009 đến tháng 26/3/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M.

Theo lời trình bày của bị đơn bà H cho thấy: Tên thật của bà là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1992 nhưng hồ sơ đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) là Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1985, lời trình bày này phù hợp với kết quả thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án từ người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) và tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Căn cứ theo quá trình đóng bảo hiểm xã hội của sổ bảo hiểm xã hội số 7910284348 cho thấy: Thực tế từ tháng 7/2010 liên tục đến tháng 06/2023, bà M đang làm việc tại Công ty TNHH P1, tại đường D, Quốc lộ A, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh và cũng được đóng bảo hiểm xã hội liên tục, đầy đủ theo sổ sổ bảo hiểm xã hội là 7910284348. Chính việc bà M cho bà H mượn hồ sơ mang tên của mình để bà H xin việc và ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam), được Công ty này đóng bảo hiểm xã hội trong toàn bộ thời gian làm việc tại đây, dẫn đến hệ quả là bà H (tên hồ sơ là Nguyễn Thị Ngọc M) có khoảng thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 tại sổ sổ bảo hiểm xã hội 7409306883 mang tên Nguyễn Thị Ngọc M.

Mặt khác, cùng thời điểm từ tháng 7/2010 liên tục đến tháng 06/2023, bà M đang làm việc tại Công ty TNHH P1 và cũng được đóng bảo hiểm xã hội với sổ sổ bảo hiểm là 7910284348. Bà M khẳng định bà chưa từng làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam). Điều này cho thấy: Người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 không phải là bà Nguyễn Thị Ngọc M mà là bà Nguyễn Thị Ngọc H. Sự việc xảy ra này xuất phát từ việc bà H đã sử dụng hồ sơ, chứng minh nhân dân mang tên của bà Nguyễn Thị Ngọc M để ký kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) trong khoảng thời gian từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011. Điều này cũng được bà Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, được Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) thừa nhận có quan hệ lao động trên thực tế và cung cấp tài liệu chứng cứ đối với người lao động mang tên Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1985 - Chứng minh nhân dân số: 301211482 và có ký kết Hợp đồng lao động ngày 01/11/2009 với thời hạn 01 năm từ ngày 01/11/2009 đến 31/10/2010 và hợp đồng lao động số 10-11-06 ký kết ngày 01/11/2010 với thời hạn 01 năm bắt đầu từ ngày 01/11/2010 đến 31/10/2011, được Công ty trích đóng bảo hiểm xã hội cho bà M từ tháng 11/2009 đến tháng 3/2011 theo Sổ bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Ngọc M, số sổ: 7409306883. Như vậy, sự việc này được các bên đương sự thừa nhận và không ai phản đối, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, đánh giá và chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định: Chủ thể ký kết và thực hiện hợp đồng lao động trong trường hợp này là bà Nguyễn Thị Ngọc H, không phải là bà Nguyễn Thị Ngọc M. Việc bà Nguyễn

Thị Ngọc H đã mượn hồ sơ mang tên Nguyễn Thị Ngọc M để tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) là vi phạm nguyên tắc trung thực trong cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động, vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động và không đúng chủ thể giao kết hợp đồng, vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007). Hậu quả dẫn đến trên hệ thống bảo hiểm xã hội bà M mang 02 mã số bảo hiểm xã hội là 7409306883 và 7910284348. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M. Vì vậy nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cần tuyên hợp đồng lao động trên là vô hiệu toàn bộ do có sự lừa dối.

[5] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự trong vụ án không ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Ngọc H trong quá trình tham gia tố tụng đồng ý hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương tổng số tiền bảo hiểm thất nghiệp là 2.760.000 đồng do bà H đã nhận bảo hiểm thất nghiệp của 03 tháng, mỗi tháng 920.000 đồng và 34.327 đồng tiền trợ cấp ốm đau theo số sổ bảo hiểm xã hội 7409306883, tổng là 2.794.327 đồng. Xét thấy, sự tự nguyện của bà H là phù hợp với ý kiến của Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương và các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân thành phố B, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[7] Về án phí lao động sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 5 Điều 32; điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 266; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 2 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm b khoản 1 Điều 49; Điều 50; Điều 220 của Bộ luật lao động năm 2019;

Áp dụng Điều 26, 27, 29, 30 của Bộ luật lao động năm 1994;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký kết ngày 01/11/2009 và Hợp đồng lao động số 10-11-06 ký kết ngày 01/11/2010 giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M (do bà Nguyễn Thị Ngọc H lấy tên bà Nguyễn Thị Ngọc M khi giao kết) và Công ty trách nhiệm hữu hạn V (Việt Nam) vô hiệu toàn bộ.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu hủy kết quả quá trình đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 03/2011 theo sổ bảo hiểm xã hội số: 7409306883 cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc M.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Ngọc H về việc đồng ý hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương tổng số tiền là: 2.794.327 đồng (hai triệu, bảy trăm chín mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi bảy đồng) bao gồm: 2.760.000 đồng tiền bảo hiểm thất nghiệp và 34.327 đồng tiền trợ cấp ốm đau do bà Nguyễn Thị Ngọc H (tên hồ sơ Nguyễn Thị Ngọc M) đã được chi trả chế độ bảo hiểm xã hội theo sổ sổ bảo hiểm xã hội 7409306883 cấp cho người mang tên Nguyễn Thị Ngọc M.

5. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đậu Thị Thảo

